

BẢNG GIÁ 2020 THIẾT BỊ CHỐNG SÉT OBO BETTERMANN

STT Pos	Mã Hàng Article	Tên Hàng Name	Thông số kỹ thuật Specifications	Xuất xứ Origin	Đơn giá (VNĐ) Price (VND)
CHỐNG XUNG SÉT (10/350µs) VÀ XUNG LAN TRUYỀN (8/20µs) TRÊN ĐƯỜNG NGUỒN					
V10 series, Type 2+3, Thiết bị cắt xung lan truyền (8/20µs) trên đường nguồn. Giải pháp lắp đặt cho tủ nhánh trước những thiết bị đầu cuối.					
1	5093380	V10 COMPACT 255	255V, I _{max} (8/20µs) 20kA/P, I _{total} (8/20µs) 60kA	Hungary	3.335.000
2	5093384	V10 COMPACT 385	385V, I _{max} (8/20µs) 20kA/P, I _{total} (8/20µs) 60kA	Hungary	3.335.000
3	5093418	V10-C 1+NPE-280	280V, 1P+NPE, I _{max} (8/20µs) 20kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA N-PE	Hungary	2.419.000
4	5094920	V10-C 3+NPE-280	280V, 3P+NPE, I _{max} (8/20µs) 20kA/P L-N, I _{total} (8/20µs) 60kA L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA N-PE	Hungary	4.335.000
V20 series, Type 2, Thiết bị cắt xung lan truyền (8/20µs) trên đường nguồn. Giải pháp lắp đặt cho tủ tổng (các công trình không sử dụng hệ thống chống sét trực tiếp) hoặc tủ nhánh DB.					
5	5095161	V20-1-280	280V, 1P, I _{max} (8/20µs) 40kA	Hungary	1.514.000
6	5095162	V20-2-280	280V, 2P, I _{max} (8/20µs) 40kA/P L-N, I _{total} (8/20µs) 80kA	Hungary	3.119.000
7	5095163	V20-3-280	280V, 3P, I _{max} (8/20µs) 40kA/P L-N, I _{total} (8/20µs) 120kA	Hungary	4.420.000
8	5095164	V20-4-280	280V, 4P, I _{max} (8/20µs) 40kA/P L-N, I _{total} (8/20µs) 160kA	Hungary	5.784.000
9	5095251	V20-1+NPE-280	280V, 1P+NPE, I _{max} (8/20µs) 40kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 60kA N-PE	Hungary	3.292.000
10	5095253	V20-3+NPE-280	280V, 3P+NPE, I _{max} (8/20µs) 40kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 120kA L-N, I _{max} (8/20µs) 60kA N-PE	Hungary	5.753.000
11	5095194	V20-4-385	385V, 4P, I _{max} (8/20µs) 40kA/P L-N, I _{total} (8/20µs) 160kA L-N	Hungary	6.255.000
12	5095273	V20-3+NPE-385	385V, 3P+NPE, I _{max} (8/20µs) 40kA/P, I _{total} (8/20µs) 120kA L-N, I _{max} (8/20µs) 60kA N-PE	Hungary	7.160.000
V25 Series, Type 1+2, Thiết bị cắt xung sét (10/350µs) và xung lan truyền (8/20µs) kết hợp trên đường nguồn. Giải pháp lắp cho tủ tổng, phù hợp sử dụng cho các công trình những khu vực như tòa nhà, văn phòng)					
13	5094418	V25-B+C 1- 280	280V, 1P, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P, I _n (8/20µs) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	2.585.000
14	5094423	V25-B+C 3- 280	280V, 3P, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P, I _n (8/20µs) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	8.304.000
15	5094426	V25-B+C 4- 280	280V, 4P, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P, I _n (8/20µs) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	12.328.000
16	5094457	V25-B+C 1+NPE-280	280V, 1P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P L-N & 25kA N-PE, I _n (8/20µs) 30kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA N-PE	Hungary	4.852.000
17	5094460	V25-B+C 2+NPE-280	280V, 2P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P L-N & 25kA N-PE, I _n (8/20µs) 30kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA N-PE	Hungary	7.467.000
18	5094463	V25-B+C 3+NPE-280	280V, 3P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P L-N & 25kA N-PE, I _n (8/20µs) 30kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA N-PE	Hungary	10.628.000
19	5094437	V25-B+C 3-385	385V, 3P, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P, I _n (8/20µs) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	8.850.000
20	5094440	V25-B+C 4-385	385V, 4P, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P, I _n (8/20) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	12.388.000
21	5094478	V25-B+C 3+NPE-385	385V, 3P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 7kA/P L-N & 25kA N-PE, I _n (8/20µs) 30kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N, I _{max} (8/20µs) 50kA N-PE	Hungary	11.484.000
V50 Series, Type 1+2, Khả năng cắt xung sét (10/350µs) và xung lan truyền (8/20µs) kết hợp trên đường nguồn. Giải pháp lắp cho tủ tổng, phù hợp sử dụng cho các công trình những khu vực như tòa nhà, văn phòng)					
22	5093500	V50-1-280	280V, 1P, I _{imp} (10/350µs) 12.5kA/P, I _n (8/20µs) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	3.125.000
23	5093511	V50-3-280	280V, 3P, I _{imp} (10/350µs) 12.5kA/P, I _n (8/20µs) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	11.910.000
24	5093513	V50-4-280	280V, 4P, I _{imp} (10/350µs) 12.5kA/P, I _n (8/20µs) 30kA/P, I _{max} (8/20µs) 50kA/P	Hungary	12.577.000
25	5093522	V50-1+NPE-280	280V, 1P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 12.5kA/P L-N & 50kA N-PE, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N & 80kA N-PE	Hungary	5.003.000
26	5093526	V50-3+NPE-280	280V, 1P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 12.5kA/P L-N & 50kA N-PE, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N & 80kA N-PE	Hungary	12.578.000
27	5093572	V50-1-385	385V, 1P, I _{imp} (10/350) 12.5kA/P, I _{max} (8/20) 50kA/P	Hungary	3.810.000
28	5093584	V50-1+NPE-385	385V, 1P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 12.5kA/P L-N & 50kA N-PE, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N & 80kA N-PE	Hungary	6.250.000
29	5093586	V50-3+NPE-385	385V, 3P+NPE, I _{imp} (10/350µs) 12.5kA/P L-N & 50kA N-PE, I _{max} (8/20µs) 50kA/P L-N & 80kA N-PE	Hungary	14.465.000
MCD series, Type 1 & Type 1+2, Thiết bị cắt xung sét (10/350µs) và xung lan truyền(8/20µs) kết hợp trên đường nguồn. Giải pháp lắp cho tủ tổng - Phù hợp sử dụng cho các công trình nhà máy, khu công nghiệp, trung tâm dữ liệu, bệnh viện..v.v					

29	5096849	MCD 50-B	255V, 1P, Iimp(10/350μs) 50kA, In(8/20μs) 50kA	Hungary	5.794.000
30	5096877	MCD 50-B 3	255V, 3P, Iimp (10/350μs) 50kA/P, In(8/20μs) 50kA/P, Itotal(10/350 & 8/20) 150kA	Hungary	18.237.000
31	5096879	MCD 50-B 3+1	255V, 3P+NPE, Iimp(10/350μs) 50kA/P, In(8/20μs) 50kA/P, Itotal(10/350 & 8/20) 125kA N-PE	Hungary	24.511.000
32	5096852	MCD 50-B-OS	255V, 1P, Iimp(10/350μs) 50kA, In(8/20μs) 50kA	Hungary	6.534.000
33	5096835	MCD 50-B 3-OS	255V, 3P, Iimp(10/350μs) 50kA/P, In(8/20μs) 50kA/P, Itotal(10/350 & 8/20) 150kA	Hungary	22.845.000
34	5096836	MCD 50-B 3+1-OS	255V, 3P+NPE, Iimp(10/350μs) 50kA/P, In(8/20μs) 50kA/P, Itotal(10/350 & 8/20) 125kA N-PE	Hungary	28.711.000
35	5096865	MCD 125-B NPE	255V, NPE, Iimp (10/350) 125kA, In (8/20) 125kA	Hungary	6.419.000
CHỐNG XUNG SÉT (10/350μs) VÀ XUNG LAN TRUYỀN (8/20μs) TRÊN ĐƯỜNG TÍN HIỆU					
RJ & KOAX Type (Ứng dụng cho hệ thống viễn thông, điện thoại, mạng... chuẩn RJ45, RJ11, BNC)					
35	5081984	RJ45-TELE 4-F	120VAC, 170VDC, 0-18MHz, 4kA (8/20μs)	Hungary	2.854.000
36	5081990	RJ45S-ATM 8-F	4.2VAC, 6VDC, >155MHz, 5kA (8/20μs)	Hungary	3.436.000
37	5081802	ND-CAT6A/E-F	41VAC, 58VDC, >250MHz, 5kA (8/20μs)	Hungary	5.198.000
38	5082432	KOAXB-E2 MF-F	4.2VAC 6.2VDC, <113MHz, 10kA (8/20μs)	Hungary	4.991.000
39	5082430	KOAXB-E2 MF-C	4.2VAC 6.2VDC, <113MHz, 10kA (8/20μs)	Hungary	3.463.000
LSA Type (Giải pháp sử dụng trong hệ thống tổng đài tổng đài điện thoại - phiên Krone)					
40	5084008	LSA-A-LEI	LSA connection strip (Grey)	Hungary	908.000
41	5084012	LSA-T-LEI	LSA separating strip (White)	Hungary	1.001.000
42	5084016	LSA-E-LEI	LSA earthing strip (Red)	Hungary	1.744.000
43	5084020	LSA-B-MAG	180V, Iimp(10/350μs) 1kA, Imax(8/20μs) 10kA	Hungary	3.524.000
Phụ kiện khác					
44	5096 64 8	MB 1	Base Unit Suitable for V25-B+C, V20-C and V10-C	Hungary	672.000
45	5096 65 0	MB 1+NPE	Base Unit 1 Poles + NPE	Hungary	997.000
46	5096 66 5	MB 3	Base Unit Suitable for V25-B+C, V20-C and V10-C	Hungary	843.000
47	5096 66 9	MB 3+NPE	Base Unit 3 Poles + NPE	Hungary	1.519.000
48	5096 68 0	MB 4	Base Unit Suitable for V25-B+C, V20-C and V10-C	Hungary	1.126.000
49	5096 88 4	MC V3	Connecting bridge for lightningcontroller copper, Cu, Pack of 10	Hungary	552.000
50	5096 88 6	MC V4	Connecting bridge for lightningcontroller copper, Cu, Pack of 10	Hungary	748.000

***Ghi Chú:**

- Hàng mới 100%, theo tiêu chuẩn đóng gói và quy cách cũng như bảo hành thiết bị của nhà sản xuất.
- Đơn giá chưa bao gồm VAT và cước vận chuyển (đối với đơn hàng lẻ).
- Thời gian giao hàng trong 24- 32h làm việc đối với hàng có sẵn kể từ khi xác nhận đơn hàng. Hoặc dự kiến 02-04 tuần đối với hàng nhập khẩu hoặc không có sẵn.
- Các điều khoản, điều kiện thanh toán hay các yêu cầu thay đổi khác (nếu có), sẽ được thống nhất theo thỏa thuận của hai bên.
- Bảng giá có hiệu lực từ 01.02.2020 cho đến khi có thông báo mới.

THANKS FOR YOUR BUSINESS